

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - THANH HOÁ**

Bản án số: 57/2025/HS-ST
Ngày 29 - 12 - 2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Trịnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2025/TLST - HS ngày 12 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/HSST - QĐ ngày 18/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đỗ V**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 14/65 Đ, phường R, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038092049623; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đỗ B1 và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Thị N và có 3 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất, sinh năm 2020.

Tiền án: 02 tiền án.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2020/HS - ST ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2021.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS - ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2023.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2019 bị Công an phường Đ1, thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2025 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thanh Hóa; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Khắc K**, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn K1, xã B, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038091052465; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T1 và bà V Thị Đ2; có vợ là Lữ Thị L, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2012/HSST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015.

- Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong vào ngày 18/9/2019.

- Năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong vào ngày 20/4/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2025 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Nghi Sơn - Thanh Hóa cơ sở 2; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1985 nơi cư trú: Số nhà 13/46 Đ2, phường R, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038085000821; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M (đã chết) và bà Lê Thị M1 (đã chết); có vợ là Bùi Thị Bích H1 và có 2 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2022 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong vào ngày 08/5/2024.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 173/2021/HSST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2022.

- Năm 2018 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong vào ngày 19/8/2019.

- Ngày 15/4/2020 bị Công an phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2025 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Yên Định; có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn S, xã B, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038091004394; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà V Thị T; chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HS - ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xử phạt 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản chiếm đoạt 4.210.000đ). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2021.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HS - ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000đ). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2025 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thanh Hóa; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Tạ Thị V1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Phố 5, phường R, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 20/353 Đ3, phường R, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Lê Văn H3, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Bùi Thị Bích H1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 13/46 Đ2, phường R, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ ngày 05/7/2025, Công an phường R, tỉnh Thanh Hóa thực hiện kế hoạch công tác quản lý người nghiện, người sau cai nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy đã yêu cầu Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985, trú tại số 13/46 Đ2, phường R, tỉnh Thanh Hóa là đối tượng quản lý sau cai nghiện, đến trụ sở Công an phường R, tỉnh Thanh Hóa để test chất ma túy trong cơ thể. Kết quả xét nghiệm nước tiểu, Nguyễn Xuân T dương tính với chất ma túy, loại: Heroine.

Quá trình làm việc Nguyễn Xuân T khai báo: Vào tối ngày 04/7/2025 tại khu vực cầu G thuộc thôn G1, xã Q, tỉnh Thanh Hóa, T cùng với Lê Đỗ V, sinh năm 1992, trú tại số 14/65 Đ, phường R, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Khắc K, sinh năm 1991, trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa các đối tượng Nguyễn Xuân Thuý, Lê Đỗ V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Khắc K đã tự nguyện xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội cụ thể: Khoảng 20 giờ, ngày 04/7/2025, Nguyễn Xuân T và Lê Đỗ V ngồi uống bia tại quán “P2”, gần cây xăng khu Công nghiệp G3, phường R, tỉnh Thanh Hóa. Trong lúc uống bia, V nói có tiền nhưng không biết chỗ mua ma túy và rủ T tìm mua ma túy loại Heroine để cùng sử dụng. T đồng ý. Do không có tiền, V vay của chị Tạ Thị V1 (sinh năm 1993, trú tại phố 5, phường R, tỉnh Thanh Hóa) là chủ quán bia “P2” số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) rồi gửi lại xe mô tô làm tin và hẹn sáng hôm sau sẽ đến trả. Chị V1 đồng ý. Sau đó, V đưa cho T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để mua ma túy. T mượn điện thoại của khách trong quán gọi đến số 0984.897.896 liên hệ với Nguyễn Khắc K và rủ K mua ma túy để cùng sử dụng. K đồng ý và hẹn gặp tại khu vực gần cầu G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi thống nhất, Nguyễn Xuân T điều khiển xe mô tô BKS: 36B3-138.97 chở Lê Đỗ V theo quốc lộ 1A hướng Nam. Khi đến khu vực cầu G thuộc thôn G1, xã Q, tỉnh Thanh Hóa, T dừng xe để gặp K theo hẹn.

Sau khi Nguyễn Xuân T gọi điện rủ mua ma túy để cùng sử dụng, Nguyễn Khắc K đã nhắn tin cho Nguyễn Văn L rủ cùng sử dụng ma túy và được L đồng ý. K điều khiển xe mô tô BKS: 36B7-657.35 đi từ nhà đến đón L. Trên đường đi, K dừng lại tại hiệu thuốc “Bim Sữa Dược K 3” thuộc thôn Uy Nam, xã Q, tỉnh Thanh Hóa, đưa cho L 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) để mua xi lanh sử dụng ma túy. L cầm tiền, đi bộ vào hiệu thuốc mua 03 (ba) chiếc xi lanh, cất vào túi quần rồi tiếp tục cùng K đi đến khu vực cầu G, xã Q để gặp T. Khi đến nơi, K thấy T cùng Lê Đỗ V đang dừng xe bên ven đường. Tại đây, T đưa cho K 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). K nhận tiền rồi một mình điều khiển xe đi về hướng ngã ba Cống Trúc để mua ma túy, còn L ở lại nói chuyện với T và V.

Trong lúc chờ K quay lại, do chưa ăn tối, L mượn xe của T đi mua bánh mì và nước lọc. Khoảng 20 phút sau, K quay lại khu vực cầu G nói mọi người đi theo mình. Khi đó, L điều khiển xe mô tô của T chở T, còn K chở V, cùng đi

chuyển đến đoạn đường bê tông ven bờ sông gần cầu G thì dừng lại. Tại đây, L lấy trong túi quần ra 03 xi lanh, đưa cho K 02 chiếc, K đưa lại cho T 01 chiếc, còn V giật lấy 01 chiếc xi lanh từ tay L. Sau đó, K bật đèn pin điện thoại, đặt ở khe cần số và hộp số xe, bóc gói ma túy Heroine, cho vào xi lanh cùng nước lọc mà T đã mua trước đó, lắc đều cho tan, rồi chia ma túy cho T và V sử dụng. Do không còn xi lanh, L đi lại gần bờ tường gần đó, nhặt được 01 xi lanh còn sót lại. K dùng xi lanh chứa ma túy đã pha sẵn, chia cho L một phần. Cả nhóm sau đó ngồi quanh ánh đèn điện thoại của K và lần lượt tự sử dụng hết số ma túy trong các xi lanh. Sau khi sử dụng xong, cả nhóm vứt các xi lanh xuống dòng sông L rồi cùng nhau rời khỏi hiện trường.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường tại thôn G1, xã Q, tỉnh Thanh Hóa là địa điểm mà Nguyễn Xuân T, Lê Đỗ V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Khắc K sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Không thu giữ được gì.

Tiến hành xét nghiệm nhanh, kết quả nước tiểu của Lê Đỗ V và Nguyễn Văn L, Nguyễn Khắc K đều dương tính với chất ma túy, loại: Heroine.

Kết luận giám định số: 5295/KL-KTHS ngày 15/7/2025 của Viện K học hình sự Bộ Công an, kết luận: Tìm thấy chất ma túy Heroine và sản phẩm chuyển hoá trong các mẫu nước tiểu của Lê Đỗ V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T.

Kết luận giám định số: 5348/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Tìm thấy chất sản phẩm chuyển hoá của Heroine trong mẫu nước tiểu gửi giám định của Nguyễn Khắc K.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô BKS: 36B7-65735 và điện thoại di động OPPO A17K gắn sim 0984897896 tạm giữ của Nguyễn Khắc K; điện thoại di động VIVO màu xanh, gắn sim 0975847116 tạm giữ của Nguyễn Văn L; điện thoại di động OPPO A58 màu đen gắn sim 0876310992 tạm giữ của Lê Đỗ V. Các vật chứng nêu trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSKV2 ngày 10/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hoá đã truy tố Lê Đỗ V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS xử phạt đối với bị cáo:

Lê Đỗ V mức án từ 9 năm tù đến 9 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Xử phạt:

+ Nguyễn Khắc K mức án từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (11/7/2025).

+ Nguyễn Xuân T mức án từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

+ Nguyễn Văn L mức án từ 7 năm 9 tháng tù đến 8 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô BKS: 36B7-65735 và điện thoại di động OPPO A17K gắn sim 0984897896 tạm giữ của Nguyễn Khắc K; điện thoại di động VIVO màu xanh, gắn sim 0975847116 tạm giữ của Nguyễn Văn L; trả lại 01 điện thoại di động OPPO A58 màu đen gắn sim 0876310992 cho Lê Đỗ V; về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) Lê Đỗ V vay của chị Tạ Thị V1, chị V1 không biết mục đích V vay tiền để làm gì. Ngày 05/7/2025 gia đình V đã trả hết số tiền cho chị V1 nên không xem xét.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/7/2025, tại khu vực cầu G thuộc thôn G1, xã Q, tỉnh Thanh Hóa Lê Đỗ V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Khắc K, Nguyễn Văn L đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại Heroine. Tại Kết luận giám định số: 5295/KL-KTHS ngày 15/7/2025 của Viện K học hình sự Bộ

Công an, kết luận: Tìm thấy chất ma túy Heroine và sản phẩm chuyển hoá trong các mẫu nước tiểu của Lê Đỗ V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T và Kết luận giám định số: 5348/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Viện K học hình sự Bộ Công an, kết luận: Tìm thấy chất sản phẩm chuyển hoá của Heroine trong mẫu nước tiểu gửi giám định của Nguyễn Khắc K.

Đối với Lê Đỗ V có 02 tiền án: Năm 2020 bị TAND Thành phố Thanh Hóa nay là TAND khu vực 1 - Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 67/2020/HS - ST ngày 02/3/2020. Ngày 30/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Năm 2022, bị TAND Thành phố Thanh Hóa nay là TAND khu vực 1 - Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS - ST ngày 23/12/2022. Ngày 15/12/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này của Lê Đỗ V thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 BLHS.

Dủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của bị cáo Lê Đỗ V đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 BLHS; hành vi của các bị cáo Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn L đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy, Nguyễn Khắc K khai đã đến khu vực công nghĩa trang liệt sĩ Quảng Xương gặp và nhờ Lê Văn Hiền, sinh năm 1968, trú tại thôn Ninh Phạm, xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa mua hộ ma túy loại Heroin. Tuy nhiên, Lê Văn Hiền khai tại thời điểm đang ở nhà ngủ, không gặp K và không mua ma túy giúp K. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa K và Hiền nhưng Hiền không thừa nhận việc mua ma túy hộ K. Ngoài lời khai của K không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi bán ma túy cho K của Hiền nên không xem xét, xử lý đối với Lê Văn H3.

Đối với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) Lê Đỗ V vay của chị Tạ Thị V1 để đi mua ma túy. Khi vay V không nói vay để làm gì nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Tạ Thị V1.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Tệ nạn ma túy ảnh hưởng đến sự phát triển và sức khỏe của con người, làm suy kiệt đến kinh tế gia đình và là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Các bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử và áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, Lê Đỗ V là người khởi xướng, rủ và đưa 500.000đ cho Nguyễn Xuân T liên hệ mua ma túy; Nguyễn Khắc K là người rủ và đưa 20.000đ cho Nguyễn Văn L mua xi lanh, trực tiếp đi mua ma túy và là người bật đèn, bỏ ma túy vào xi lanh lắc đều với nước lọc rồi chia cho V, T, L sử dụng; Nguyễn Xuân T là người gọi điện thoại rủ và đưa 500.000đ cho Nguyễn Khắc K mua ma túy, chia ma túy cho Lê Đỗ V khi sử dụng ma túy. Nguyễn Văn L là người mua xi lanh và nước lọc để sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo V giữ vai trò thứ nhất, bị cáo K giữ vai trò thứ hai, bị cáo T giữ vai trò thứ ba và bị cáo L giữ vai trò thứ tư.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Lê Đỗ V, Nguyễn Khắc K và Nguyễn Xuân T không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Nguyễn Văn L có 1 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “đầu thú” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo V có 3 con nhỏ dưới 15 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo V có 2 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo K đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Cướp tài sản” và 2 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo T có 1 tiền sự về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo L có 2 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa các bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 Xe mô tô BKS: 36B7-65735 và 01 điện thoại di động OPPO A17K gắn sim 0984897896 tạm giữ của Nguyễn Khắc K; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh, gắn sim 0975847116 tạm giữ của Nguyễn Văn L là các phương tiện, công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 Điện thoại di động OPPO A58 màu đen gắn sim 0876310992 thu giữ của Lê Đỗ V không phải là vật chứng của vụ án nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Lê Đỗ V.

- Đối với chị Tạ Thị V1 là người đã cho Lê Đỗ V vay số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để V đi mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, chị Tạ Thị V1 không biết V vay tiền mục đích để làm gì nên không xử lý đối với Tạ Thị V1 trong vụ án này. Ngày 05/7/2025 gia đình V đã trả hết số tiền cho chị V1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đỗ V, Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Đỗ V:

Xử phạt: Lê Đỗ V 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

- Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn L; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn L:

Xử phạt: Nguyễn Khắc K 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (11/7/2025).

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

Xử phạt: Nguyễn Văn L 7 (Bảy) năm 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2025).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Xe mô tô BKS: 36B7-65735 và 01 điện thoại di động OPPO A17K gắn sim 0984897896 tạm giữ của Nguyễn Khắc K; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh, gắn sim 0975847116 tạm giữ của Nguyễn Văn L.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đỗ V: 01 Điện thoại di động OPPO A58 màu đen gắn sim 0876310992.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa lập ngày 11/11/2025.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Đỗ V, Nguyễn Khắc K, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

